

Pháp luật về bảo vệ nhân chứng trong vụ án hình sự ở Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam

Kinh nghiệm quốc tế

08:14 | 26/01/2026

ThS. Đinh Công Tuấn

Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp

Tóm tắt: Bảo vệ người làm chứng (nhân chứng) là một trong những yếu tố quan trọng nhằm bảo đảm công lý và hiệu quả của hoạt động tố tụng hình sự. Tại Trung Quốc, cơ chế bảo vệ nhân chứng đã từng bước được hoàn thiện trong những năm gần đây, đặc biệt, thông qua việc sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự và các văn bản dưới luật. Bài viết phân tích khuôn khổ pháp lý hiện hành về bảo vệ nhân chứng trong tố tụng hình sự ở Trung Quốc, đánh giá những điểm tiến bộ, những tồn tại, hạn chế trong thực tiễn áp dụng, từ đó, đưa ra một số khuyến nghị cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện pháp luật về bảo vệ nhân chứng.

Từ khóa: bảo vệ quyền con người; bảo vệ nhân chứng; tố tụng hình sự; vụ án hình sự; bị can; bị cáo; tội phạm có tổ chức; tội phạm nguy hiểm; pháp điển.

Abstract: Witness protection is one of the crucial elements in ensuring justice and the effectiveness of criminal proceedings. In China, the witness protection mechanism has been gradually improved in recent years, particularly through the amendment of the Criminal Procedure Code and its subordinate regulations. This article analyzes the current legal framework for witness protection in criminal proceedings in China, assessing the progress, shortcomings, and limitations in its practical application, and offers some recommendations for Vietnam in the process of law improvement on witness protection.

Keywords: Human rights protection; witness protection; criminal proceedings; criminal case; suspect; defendant; organized crime; dangerous crime; codification.

Đặt vấn đề

Trong tố tụng hình sự, người làm chứng (hay còn gọi là nhân chứng) là người có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc cung cấp thông tin, làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án. Tuy nhiên, trên thực tế, việc tham gia tố tụng của nhân chứng thường tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt là nguy cơ bị trả thù, đe dọa từ phía bị can, bị cáo hoặc các bên khác có liên quan. Do đó, bảo vệ nhân chứng không chỉ là yêu cầu cần thiết để bảo đảm an toàn cho

người tham gia tố tụng, mà còn góp phần củng cố niềm tin vào hệ thống tư pháp và nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tại Trung Quốc, yêu cầu bảo vệ nhân chứng đã được pháp điển trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc thiết lập cơ chế bảo vệ nhân chứng phản ánh nỗ lực của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền con người, đồng thời, đáp ứng yêu cầu thực tiễn về phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm nguy hiểm. Bài viết phân tích các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ nhân chứng trong tố tụng hình sự ở Trung Quốc, đánh giá khái quát thực tiễn áp dụng, chỉ ra những điểm tiến bộ và hạn chế, đồng thời, gợi mở một số bài học kinh nghiệm có giá trị để Việt Nam có thể nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc trong quá trình hoàn thiện pháp luật về bảo vệ nhân chứng trong tố tụng hình sự.

1. Pháp luật về bảo vệ nhân chứng trong vụ án hình sự ở Trung Quốc

Trong những năm gần đây, pháp luật Trung Quốc về bảo vệ nhân chứng trong tố tụng hình sự đã từng bước được hoàn thiện qua các lần sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự, đặc biệt lần sửa đổi năm 2012, trong đó, bổ sung các quy định cơ bản về bảo vệ an toàn cho nhân chứng, giám định viên và nạn nhân trong một số loại án nghiêm trọng. Cùng với đó, một số văn bản dưới luật, đặc biệt là Quy định về công tác bảo vệ nhân chứng trong vụ án hình sự do Bộ Công an ban hành năm 2017, đã góp phần thiết lập khung pháp lý thực thi các biện pháp bảo vệ nhân chứng. Tuy nhiên, việc triển khai còn tồn tại nhiều hạn chế cả về pháp lý và thực tiễn.

1.1. Đối tượng được bảo vệ

Theo Điều 63 Bộ luật Tố tụng hình sự của Trung Quốc, đối tượng được bảo vệ là nhân chứng và thân nhân gần gũi của họ; nghĩa vụ bảo vệ thuộc về cơ quan tư pháp. Điều 64 Bộ luật Tố tụng hình sự của Trung Quốc quy định đối với một số tội phạm đặc biệt, đối tượng được bảo vệ gồm nhân chứng, giám định viên, nạn nhân và thân nhân gần gũi của họ; phạm vi bảo vệ được giới hạn trong các vụ án liên quan đến tội phạm đe dọa an ninh quốc gia, tội khủng bố, tội phạm tổ chức xã hội đen, tội phạm ma túy. Để bảo đảm nhân chứng có mặt tại phiên tòa, pháp luật Trung Quốc quy định về hỗ trợ chi phí tài chính và các thù lao liên quan, đồng thời, có những biện pháp để một người có nghĩa vụ phải tham gia làm chứng. Trường hợp không có lý do chính đáng mà không tham gia phiên tòa theo triệu tập của Tòa án, họ có thể phải chịu biện pháp chế tài theo quy định của pháp luật[1].

1.2. Các biện pháp bảo vệ đối với nhân chứng và người liên quan

Hệ thống các biện pháp bảo vệ nhân chứng trong pháp luật Trung Quốc được xây dựng tương đối đa dạng. Các biện pháp chủ yếu gồm: bảo vệ nơi cư trú, thay đổi nơi sinh sống, không công khai danh tính, cung cấp phương tiện bảo vệ cá nhân (như cảnh sát hộ tống), thay đổi hình thức làm chứng (làm chứng qua video hoặc bằng tài liệu) và hỗ trợ tài chính,

chi phí đi lại cho nhân chứng khi tham gia phiên tòa. Bộ luật Hình sự của Trung Quốc cũng quy định các tội phạm liên quan đến việc bảo đảm an toàn cho người làm chứng, theo đó, Điều 307 quy định về tội chống đối, cản trở việc làm chứng áp dụng cho các hành vi như gây sức ép, dụ dỗ hoặc đe dọa để khiến nhân chứng thay đổi lời khai hoặc khai báo gian dối. Hình phạt đối với tội phạm này từ 03 năm tù trở xuống hoặc cải tạo không giam giữ; trường hợp nghiêm trọng, từ 03 - 07 năm tù. Mức xử nặng hơn nếu đối tượng phạm tội là người làm trong hệ thống tư pháp (thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư...). Điều 308 về tội trả thù hoặc trù dập nhân chứng quy định: đối với hành vi trực tiếp trả đũa hoặc trù dập nhân chứng, có thể bị áp dụng mức hình phạt tù hoặc cải tạo không giam giữ đến 03 năm; trường hợp nghiêm trọng có thể bị phạt tù với mức án từ 03 - 07 năm tù. Những quy định này bước đầu có tác dụng răn đe và bảo đảm môi trường khai báo an toàn cho người làm chứng.

Tuy nhiên, các biện pháp này mới được áp dụng chủ yếu ở giai đoạn điều tra, chưa được triển khai đầy đủ ở các giai đoạn xét xử hoặc sau khi tuyên án. Nhiều biện pháp quan trọng như thay đổi danh tính, bảo vệ nhân chứng sau phiên tòa hoặc hỗ trợ định cư chưa được quy định rõ trong luật và còn gặp khó khăn khi áp dụng trên thực tế.

1.3. Trình tự, thủ tục thực hiện các biện pháp bảo vệ nhân chứng

Pháp luật Trung Quốc hiện chưa có quy trình rõ ràng, thống nhất về việc đề nghị và thực thi các biện pháp bảo vệ nhân chứng. Thực tiễn áp dụng cho thấy, đề nghị bảo vệ có thể được đưa ra bởi nhân chứng, cơ quan điều tra, kiểm sát hoặc Tòa án. Tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể về thời hạn xử lý, thẩm quyền quyết định cuối cùng hay trình tự xét duyệt yêu cầu bảo vệ, đồng thời, thiếu các quy định cụ thể về sự phân công chủ trì, phối hợp của các cơ quan có thẩm quyền theo từng giai đoạn tố tụng.

Một điểm đáng lưu ý là thiếu cơ chế kháng nghị hoặc khiếu nại trong trường hợp cơ quan từ chối áp dụng biện pháp bảo vệ, cũng như thiếu cơ chế phân loại rủi ro để quyết định mức độ bảo vệ tương ứng.

1.4. Đánh giá những ưu điểm và hạn chế về pháp luật bảo vệ nhân chứng của Trung Quốc

Về ưu điểm, hệ thống pháp luật Trung Quốc bước đầu thể hiện sự tiếp cận có hệ thống việc bảo vệ nhân chứng. Việc đưa các quy định này vào Bộ luật Tố tụng hình sự và Bộ luật Hình sự cho thấy sự chuyển biến tích cực trong tư duy lập pháp, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của nhân chứng trong bảo vệ công lý và tính khách quan của quá trình tố tụng. Một số cơ chế hỗ trợ thực tế như chi trả chi phí, biện pháp cưỡng chế làm chứng hoặc sử dụng video thay cho lời khai trực tiếp, phần nào giải quyết được những vướng mắc trong các vụ án có yếu

tổ đe dọa. Mặc dù được quy định khá đầy đủ, nhưng xét về cả phương diện lập pháp và thực tiễn tư pháp, hệ thống bảo vệ nhân chứng ở Trung Quốc còn tồn tại một số vấn đề sau:

Thứ nhất, chức năng của cơ quan bảo vệ nhân chứng còn những điểm chưa thực sự rõ ràng, theo đó, cả ba cơ quan công an, Viện kiểm sát và Tòa án đều có trách nhiệm bảo vệ nhân chứng, nhưng chưa có quy định cụ thể về sự phối hợp giữa ba cơ quan này theo từng giai đoạn tố tụng hay quy định rõ ràng cơ quan nào chịu trách nhiệm chính.

Thứ hai, hệ thống pháp luật về bảo vệ nhân chứng còn thiếu tính cụ thể và hướng dẫn thực thi, việc bảo vệ nhân chứng chủ yếu dựa trên quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự, mà chưa có đầy đủ các văn bản quy định chi tiết.

Thứ ba, phạm vi bảo vệ chưa toàn diện, cơ chế phối hợp chưa hiệu quả: đối với các vụ án thông thường, việc bảo vệ nhân chứng chỉ cần thiết trong một số giai đoạn tố tụng nhất định. Tuy nhiên, đối với những vụ án đặc biệt, như các vụ án liên quan đến tổ chức phạm tội, việc bảo vệ nhân chứng cần kéo dài ngay cả sau khi bản án đã được tuyên. Bên cạnh đó, phạm vi bảo vệ nhân chứng còn hẹp, chủ yếu giới hạn ở bảo vệ tính mạng của nhân chứng, mà chưa chú trọng đến những quyền và lợi ích khác, như quyền tài sản, biện pháp bảo đảm làm việc hay sinh sống hàng ngày của nhân chứng và gia đình; thiếu cơ chế phối hợp liên ngành, việc áp dụng các biện pháp bảo vệ nhân chứng trong một số trường hợp còn chậm và thụ động[2].

Thứ tư, thủ tục để tiến hành các biện pháp bảo vệ chưa đầy đủ, chưa có quy định cụ thể về cách thức cơ quan có thẩm quyền xử lý đơn xin bảo vệ nhân chứng, cũng như các biện pháp khắc phục nếu nhân chứng không được bảo vệ kịp thời[3].

Về hạn chế liên quan đến thực thi các biện pháp bảo vệ nhân chứng, bên cạnh những ưu điểm về hoàn thiện pháp luật bảo vệ nhân chứng, việc thực thi pháp luật trong thực tiễn của Trung Quốc cũng tồn tại những hạn chế nhất định, dẫn đến tình trạng nhiều nhân chứng chưa sẵn sàng làm chứng trong các vụ án hình sự. Qua phân tích các vụ việc cụ thể, trong nghiên cứu năm 2017, tác giả Ding Zemin cho rằng, một trong những nguyên nhân sâu xa dẫn đến tình trạng người làm chứng chưa sẵn sàng ra Tòa án làm chứng là do chưa đủ tin tưởng vào cơ chế bảo vệ của pháp luật và lo ngại những bất lợi khi làm chứng. Đồng thời, Ding Zemin kiến nghị áp dụng công nghệ bảo vệ thông tin cá nhân, thành lập quỹ hỗ trợ nhân chứng và quy định trách nhiệm hình sự rõ ràng đối với hành vi trả thù[4]. Khảo sát của Viện Khoa học Tư pháp Trung Quốc năm 2020 cho thấy, có đến 48% nhân chứng trong các vụ án nghiêm trọng từ chối đến Tòa án, vì lo ngại bị trả thù hoặc bị lộ danh tính[5]. Báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao Trung Quốc năm 2021 cũng ghi nhận, chỉ khoảng 2% số vụ án hình sự có đề xuất biện pháp bảo vệ nhân chứng được chấp nhận trên thực tế[6]. Điều này cho thấy, còn tồn tại khoảng cách giữa quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng.

2. Pháp luật về bảo vệ nhân chứng trong vụ án hình sự ở Việt Nam

Tại Việt Nam, việc bảo vệ nhân chứng hiện được quy định trong nhiều luật, bộ luật. Trong tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2025 (Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015) dành một chương (Chương XXXIV) để quy định về bảo vệ người tố giác tội phạm, người làm chứng, bị hại và người tham gia tố tụng khác. Các biện pháp bảo vệ có thể được triển khai như: bố trí lực lượng canh gác; hạn chế việc đi lại, tiếp xúc; di chuyển, giữ bí mật chỗ ở; thay đổi tung tích, lý lịch, đặc điểm nhân dạng... Tương tự, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2019, 2025) và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đều quy định người làm chứng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của mình. Trường hợp người làm chứng bị đe dọa, khống chế hoặc mua chuộc, Tòa án có quyền quyết định buộc người đe dọa chấm dứt hành vi; nếu có dấu hiệu tội phạm thì Tòa án yêu cầu Viện kiểm sát xem xét về trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Luật Tố cáo năm 2018 cũng có các quy định để bảo vệ người tố cáo, tố giác hành vi tham nhũng. Như vậy, quá trình xây dựng các luật, bộ luật trong lĩnh vực tư pháp, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã quan tâm đưa các biện pháp bảo vệ người làm chứng vào luật. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định khi tham gia tố tụng, nếu người làm chứng bị cá nhân, cơ quan, tổ chức nào có hành vi đe dọa hoặc cưỡng bức đến bản thân hoặc người thân thích trong gia đình, thì có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ được quy định tại Điều 486 Bộ luật này. Cụ thể:

(i) Trong trường hợp khẩn cấp, người làm chứng có thể đến trực tiếp cơ quan có thẩm quyền đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ hoặc thông qua phương tiện thông tin liên lạc, nhưng sau đó phải thể hiện bằng văn bản đề nghị. Sau đó, cơ quan điều tra phải kiểm tra căn cứ, tính xác thực của đề nghị, yêu cầu bảo vệ, nếu đủ căn cứ thì ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ và lập hồ sơ bảo vệ. Nếu xét thấy không cần thiết áp dụng thì phải giải thích rõ cho người đã yêu cầu, đề nghị biết.

(ii) Cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ người làm chứng là cơ quan điều tra của Công an nhân dân và cơ quan điều tra của Quân đội nhân dân (Điều 485 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015). Thời gian bảo vệ người làm chứng được tính từ khi có quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ cho đến khi có quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ (Điều 489 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015).

Về thực tiễn áp dụng quy định bảo vệ người làm chứng, kết quả nghiên cứu cho thấy, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2022, Tòa án các cấp đã giải quyết 361.806 vụ án hình sự và 631.807 bị cáo; trong đó có 187.547 lượt người bị hại, 229.839 lượt người làm chứng

tham gia tố tụng. Tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2022, các cơ quan điều tra của ngành Công an ban hành 05 quyết định áp dụng các biện pháp bảo vệ, đến nay, đã chấm dứt áp dụng; các cơ quan điều tra của Quân đội thì chưa ban hành quyết định nào[7].

Thực tiễn, việc áp dụng các biện pháp bảo vệ nhân chứng của Việt Nam cho thấy một số hạn chế như: quy định pháp luật hiện hành chưa xác định rõ tiêu chí để đánh giá mức độ nguy hiểm đối với nhân chứng; chưa có hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục bảo vệ; chưa phân định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

Từ những hạn chế này, so sánh với pháp luật của Trung Quốc cho thấy, pháp luật bảo vệ nhân chứng ở Việt Nam đang tồn tại khoảng cách lớn giữa quy định pháp lý cũng như thực tiễn thi hành. Những quy định pháp luật Việt Nam hiện mới chỉ tạo khung pháp lý tối thiểu, chưa xây dựng được cơ chế vận hành đồng bộ, chưa có định hướng dài hạn về tổ chức, tài chính và nhân lực để bảo vệ hiệu quả cho nhân chứng. Trong bối cảnh tội phạm ngày càng phức tạp, tinh vi và có xu hướng trả thù người cung cấp thông tin, việc chậm hoàn thiện pháp luật bảo vệ nhân chứng không chỉ ảnh hưởng đến quyền lợi cá nhân của họ, mà có thể làm cản trở nghiêm trọng quá trình thực thi công lý.

3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo vệ nhân chứng trong các vụ án hình sự

Từ kinh nghiệm và các quy định về bảo vệ nhân chứng của Trung Quốc và thực trạng quy định của pháp luật Việt Nam, để nâng cao hiệu quả bảo vệ nhân chứng trong các vụ án hình sự ở Việt Nam, có thể nghiên cứu một số giải pháp sau:

Một là, xây dựng khuôn khổ pháp lý thống nhất, toàn diện về bảo vệ nhân chứng. Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, việc quy định rải rác các biện pháp bảo vệ trong Bộ luật Tố tụng hình sự chưa bảo đảm tính hiệu quả đối với công tác bảo vệ nhân chứng[8]. Hiện, ở Việt Nam, số lượng yêu cầu biện pháp bảo vệ từ các nhân chứng chưa nhiều. Tính từ năm 2016 đến nay, một số trường hợp người làm chứng mặc dù biết rõ các tình tiết của vụ án nhưng do ngại bị ảnh hưởng nên từ chối cung cấp thông tin. Tuy nhiên, Tòa án các cấp chưa phát hiện trường hợp nào có dấu hiệu mua chuộc, khống chế, đe dọa, trả thù người làm chứng, bị hại để họ rút đơn yêu cầu khởi tố hoặc không ra làm chứng, không cung cấp chứng cứ. Pháp luật Việt Nam cần xem xét khả năng xây dựng đạo luật chuyên biệt về bảo vệ người làm chứng. Trước hết, cần ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết các điều luật liên quan trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về biện pháp và cách thức bảo vệ nhân chứng, xác định rõ tiêu chí xác định đối tượng được bảo vệ, cơ chế ra quyết định, các loại biện pháp bảo vệ, cơ chế hỗ trợ tài chính và cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm triển khai bảo vệ nhân chứng.

Hai là, nghiên cứu mở rộng phạm vi chủ thể và loại hình bảo vệ. Tương tự như Trung Quốc[9], pháp luật Việt Nam hiện mới chỉ tập trung vào một số chủ thể cơ bản được bảo vệ. Để người làm chứng tránh được tâm lý lo ngại bị trả thù khi cung cấp thông tin và làm chứng tại phiên tòa, cần nghiên cứu mở rộng đối tượng được bảo vệ (gồm cả người thân của nhân chứng, người tố giác tội phạm, giám định viên...) và áp dụng thêm các biện pháp như có nơi cư trú an toàn được bảo vệ, cung cấp danh tính mới, hỗ trợ tài chính do thay đổi nơi cư trú, làm việc, học tập, đặc biệt, đối với các vụ án hình sự liên quan đến tội phạm có tổ chức, án ma túy hoặc tham nhũng.

Ba là, nghiên cứu giao cơ quan làm đầu mối hoặc bộ phận chuyên trách bảo vệ nhân chứng. Hạn chế lớn ở cả Việt Nam và Trung Quốc là chưa có cơ quan độc lập hoặc đơn vị chuyên môn về bảo vệ nhân chứng. Do đó, Việt Nam cần nghiên cứu mô hình thiết lập đơn vị chuyên trách (có thể nằm trong cơ quan Công an hoặc Viện kiểm sát) với chức năng xây dựng phương án, triển khai và giám sát thực hiện bảo vệ nhân chứng, không để trách nhiệm này phân tán, thiếu tính chuyên môn.

Bốn là, tăng cường phối hợp liên ngành và cơ chế ra quyết định linh hoạt trong trường hợp áp dụng các biện pháp bảo vệ. Kinh nghiệm từ Trung Quốc cho thấy, việc thiếu phối hợp giữa Công an, Viện kiểm sát và Tòa án đã làm giảm hiệu quả thi hành các biện pháp bảo vệ. Vì vậy, Việt Nam cần xây dựng quy trình phối hợp liên ngành, quy định rõ vai trò và trách nhiệm của từng cơ quan trong việc đánh giá rủi ro, phê duyệt và tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ nhân chứng. Đồng thời, xây dựng cơ chế ra quyết định nhanh, linh hoạt và phù hợp với diễn biến thực tế của vụ án, nhất là những vụ án có rủi ro cao đối với nhân chứng.

Ngoài ra, cần tăng cường nhận thức xã hội và đào tạo cán bộ chuyên trách. Để nâng cao hiệu quả bảo vệ nhân chứng, Việt Nam cần phát triển các chương trình đào tạo định kỳ cho điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán về kỹ năng đánh giá rủi ro, giao tiếp với nhân chứng và triển khai biện pháp bảo vệ hiệu quả. Đồng thời, nâng cao nhận thức cộng đồng về quyền và nghĩa vụ của nhân chứng để xây dựng môi trường tố tụng minh bạch, an toàn và thân thiện.

Kết luận

Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, việc ghi nhận quyền được bảo vệ của nhân chứng trong pháp luật tố tụng hình sự, thiết lập các biện pháp bảo vệ đa dạng và mở rộng phạm vi bảo vệ cả thân nhân, người tố giác, giám định viên là những yếu tố quan trọng để thúc đẩy nhân chứng tham gia tố tụng, góp phần bảo đảm xét xử công bằng. Tuy nhiên, những hạn chế trong thực thi như thiếu cơ quan chuyên trách, trình tự bảo vệ chưa rõ ràng và cơ

ché phối hợp chưa hiệu quả cũng là kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật về bảo vệ nhân chứng trong các vụ án hình sự./.

- [1]. Criminal Procedure Law of China (2012, amended 2018) - Quốc hội Trung Quốc.
- [2]. ZHENG Hannian (2018), *Problems and Perfection of Criminal Witness Protection System in China*, Journal of Beijing Institute of Technology (Social Sciences Edition), số 5, tr. 137 - 143, DOI:10.15918/j.jbitss1009-3370.2018.2428.
- [3]. Me Bingqiao (2023), *On the Perfection of the System of Witness Protection in Criminal Procedure in China*, Dispute Settlement, tập 9(4):1500-1506, DOI:10.12677/DS.2023.94204.
- [4]. *Thoughts on Perfecting China's Criminal Witness Protection Mechanism*, Blog Shenzhen lawyer, 2017.
- [5]. Institute of Judicial Science, *Survey on Witness Participation and Protection in Serious Criminal Cases*, 2020 (in Chinese).
- [6]. Supreme People's Court of China, *Interpretation on the Application of the Criminal Procedure Law* (2012, revised 2021).
- [7]. Thê Kha, *Vì sao chưa cần sửa quy định về bảo vệ nhân chứng, người tố cáo*, <https://dantri.com.vn/xa-hoi/vi-sao-chua-can-sua-quy-dinh-ve-bao-ve-nhan-chung-nguoi-to-cao-20230206103948380.htm>, truy cập ngày 27/10/2025.
- [8]. ZHENG Hannian (2018), *Problems and Perfection of Criminal Witness Protection System in China*, Journal of Beijing Institute of Technology (Social Sciences Edition), số 5, tr. 137 - 143, DOI:10.15918/j.jbitss1009-3370.2018.2428.
- [9]. Me Bingqiao (2023), *tlđđ*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Criminal Procedure Law of China (2012, amended 2018) - Quốc hội Trung Quốc.
2. Institute of Judicial Science, *Survey on Witness Participation and Protection in Serious Criminal Cases*, 2020 (in Chinese).
3. Me Bingqiao (2023), *On the Perfection of the System of Witness Protection in Criminal Procedure in China*, Dispute Settlement, tập 9(4):1500-1506, DOI:10.12677/DS.2023.94204.
4. Supreme People's Court of China, *Annual Judicial Work Report, 2021*, https://www.spp.gov.cn/llyj/201307/t20130731_60997.shtml, truy cập ngày 27/10/2025.

5. Supreme People's Court of China, *Interpretation on the Application of the Criminal Procedure Law* (2012, revised 2021).
6. Thế Kha, *Vi sao chưa cần sửa quy định về bảo vệ nhân chứng, người tố cáo*, <https://dantri.com.vn/xa-hoi/vi-sao-chua-can-sua-quy-dinh-ve-bao-ve-nhan-chung-nguoi-to-cao-20230206103948380.htm>, truy cập ngày 27/10/2025.
7. *Thoughts on Perfecting China's Criminal Witness Protection Mechanism*, Blog Shenzhen lawyer, 2017.
8. YUAN Qun (2015), *Analysis and Improvement of the Status of Criminal Witness Protection System in China*, 2015(14), DOI:10.16400/j.cnki.kjdkz.2015.05.064.
9. ZHENG Hannian (2018), *Problems and Perfection of Criminal Witness Protection System in China*, Journal of Beijing Institute of Technology (Social Sciences Edition), số 5, DOI:10.15918/j.jbitss1009-3370.2018.2428.